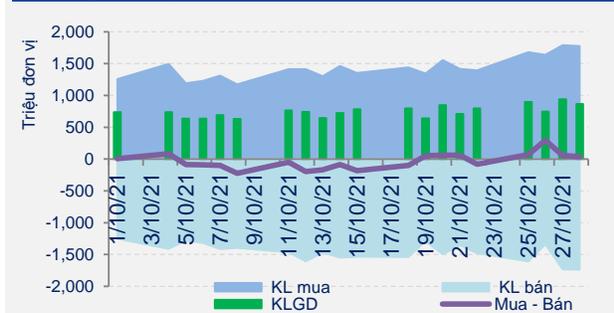


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 28/10/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,438.01	411.07
% Thay đổi	↑ 1.05%	↑ 1.66%
KLGD (CP)	865,433,524	163,586,272
GTGD (tỷ đồng)	26,186.76	4,012.77
Tổng cung (CP)	1,739,516,800	232,160,900
Tổng cầu (CP)	1,778,331,500	220,013,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	37,645,800	1,861,520
KL mua (CP)	49,485,400	990,300
GT mua (tỷ đồng)	2,085.97	19.39
GT bán (tỷ đồng)	1,459.97	43.07
GT ròng (tỷ đồng)	626.00	(23.68)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.03%	24.1	3.9	1.2%
Công nghiệp	↑ 1.44%	20.9	3.1	12.5%
Dầu khí	↓ -1.03%	18.5	2.1	2.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.59%	-	5.6	4.2%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.08%	17.7	2.6	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.63%	21.9	4.3	10.0%
Ngân hàng	↑ 1.05%	11.3	2.1	14.6%
Nguyên vật liệu	↑ 0.51%	14.3	3.1	16.6%
Tài chính	↑ 1.20%	19.1	3.2	34.2%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 2.42%	17.4	3.2	3.3%
VN - Index	↑ 1.05%	17.2	2.9	
HNX - Index	↑ 1.66%	22.7	4.7	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trong phiên thứ ba liên tiếp với thanh khoản tiếp tục ở mức cao. Cụ thể, VN-Index tăng 14,99 điểm (+1,05%) lên 1.438,01 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 318 mã tăng, 58 mã tham chiếu, 139 mã giảm. HNX-Index tăng 6,7 điểm (+1,66%) lên 411,07 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 156 mã tăng, 55 mã tham chiếu, 101 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn xấp xỉ so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 988 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 28.481 tỷ đồng. Cổ phiếu bất động sản, xây dựng thu hút dòng tiền và đồng loạt tăng mạnh, thậm chí tăng trần như SGR (+7%), DRH (+6,9%), KHG (+6,7%), VCR (+14,7%)... Nhóm ngân hàng cũng giao dịch tích cực và là động lực quan trọng giúp thị trường bứt phá. Hầu hết các cổ phiếu ngân hàng đều tăng tốt trong phiên hôm nay như VPB (+1,7%), STB (+0,8%), MBB (+0,4%), TPB (+2,5%), VCB (+1,9%), MSB (+0,2%), ACB (+1,4%)... Bên cạnh đó, nhóm chứng khoán cũng tăng giá tích cực như VND (+5,2%), SSI (+1%), APS (+1,5%), SHS (+2,1%), HCM (+1,4%), VIX (+2,4%)... Các cổ phiếu ngành bảo hiểm như BVH (+1,1%), BMI (+1,1%), PVI (+2,3%), MIG (+1,2%), BIC (+4,6%), PGI (+3%)... cũng tăng mạnh về cuối phiên. Nhóm thép dù chịu áp lực chốt lời nhưng HPG (+0,2%), NKG (+0,7%), TLH (+2,5%), TVN (+2,1%) ...vẫn giữ được sắc xanh về cuối phiên. Ở chiều ngược lại, cổ phiếu dầu khí chịu áp lực chốt lời và phần lớn đều đóng cửa trong sắc đỏ như PVS (-1,3%), PVD (-1,6%), PLX (-0,9%), PVB (-0,6%), POS (-0,7%)..., ngoại trừ GAS (+2,7%) tiếp tục lập đỉnh mới.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trong phiên thứ ba liên tiếp để chính thức vượt qua được vùng đỉnh trước đó trong khoảng 1.420-1.425 điểm để hướng đến những mốc cao mới. Thanh khoản trong phiên hôm nay cũng ủng hộ đà tăng này khi tiếp tục ở mức cao hơn trung bình 20 phiên. Khối ngoại cũng tiếp sức cho thị trường với việc mua ròng khoảng 600 tỷ đồng trên hai sàn. Trên góc nhìn kỹ thuật, thị trường vẫn đang trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết quanh ngưỡng 1.550 điểm. Tuy nhiên, trên đường tăng điểm sẽ có những phiên rung lắc và điều chỉnh khi lượng chốt lời gia tăng. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 29/10, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm với mục tiêu tiêu theo là ngưỡng 1.450 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm trong phiên hôm nay có thể tiếp tục mua thêm nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ kể trên, tập trung vào nhóm bluechips đang dẫn sóng thị trường.

MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **28/10/2021**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.420,42 điểm. Nhưng ngay sau đó, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 1.440,64 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 14,99 điểm (+1,05%) lên 1.438,01 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB tăng 1.800 đồng, GAS tăng 3.300 đồng, MSN tăng 4.900 đồng. Ở chiều ngược lại, HVN giảm 650 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 403,92 điểm. Nhưng ngay sau đó, lực cầu gia tăng mạnh giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng được duy trì cho đến hết phiên giúp chỉ số kết phiên ở mức cao nhất. Kết phiên, HNX-Index tăng 6,7 điểm (+1,66%) lên 411,07 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD tăng 1.800 đồng, IDC tăng 5.700 đồng, L14 tăng 15.700 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS giảm 400 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 621,65 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 13,5 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 194,9 tỷ đồng tương ứng với 3,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là GAS với 107,3 tỷ đồng tương ứng với 863 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NLG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 126,3 tỷ đồng tương ứng với 2,2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 23,62 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 871 nghìn cổ phiếu. TNG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 10,4 tỷ đồng tương ứng với 318 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là HUT với 6,5 tỷ đồng tương ứng với 549 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VIG là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,3 triệu đồng tương ứng với 245 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng phiên thứ ba liên tiếp với mức tăng khá mạnh và thanh khoản khớp lệnh xấp xỉ so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy dòng tiền vẫn đang tiếp tục đổ vào thị trường và bên mua vẫn đang thắng thế ở thời điểm hiện tại.

Với phiên giao dịch hôm nay thì chỉ số VN-Index đã chính thức vượt qua được vùng đỉnh cũ trong khoảng 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021) đồng thời cũng là đỉnh sóng tăng 5 theo lý thuyết Elliot trên biểu đồ ngày bắt đầu từ thời điểm tạo đáy quanh 650 điểm vào cuối tháng 3 đầu tháng 4 năm 2020.

Vì lý do đã nêu trên nên việc nhận định xu hướng thị trường theo sóng Elliot trên biểu đồ ngày hiện không còn hợp lý nên chúng ta sẽ phân tích sóng Elliot trên biểu đồ tuần.

Với góc nhìn xa hơn trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với việc đóng cửa trên vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm trong phiên hôm nay thì VN-Index hoàn toàn có thể khả năng hướng đến những mốc cao mới mà gần nhất là ngưỡng tâm lý 1.450 điểm.

Tuy nhiên, trong quá trình đi lên, thị trường có thể phải chịu những rung lắc và điều chỉnh khi mà áp lực chốt lời gia tăng và vùng 1.420-1.425 điểm sẽ là hỗ trợ gần nhất trong thời điểm hiện tại.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 29/10, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm với mục tiêu theo là ngưỡng 1.450 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57,7 - 58,45 triệu đồng/lượng, không đổi ở chiều mua vào và giảm 150.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm không đổi	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng ngày 28/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.131 VND/USD, giữ nguyên so với ngày hôm qua.

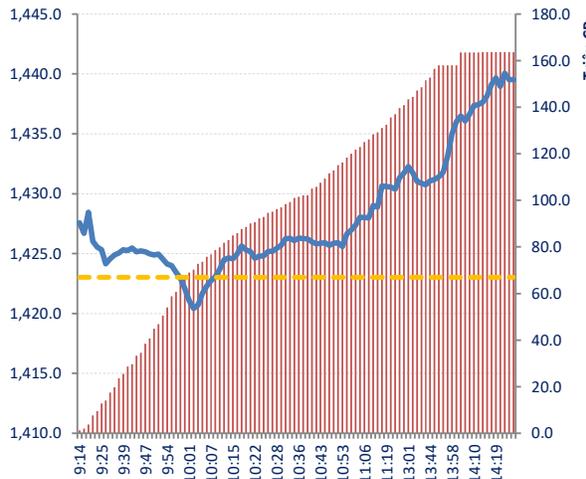
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 3,55 USD/ounce tương ứng với 0,21% lên 1.802,4 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,140 điểm tương ứng 0,14% lên 93,933 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1591 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3748 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 113,65 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,44 USD/thùng tương ứng với 0,57% xuống 82,17 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều	Kết thúc phiên giao dịch ngày 27/10, Dow Jones giảm 266,19 điểm tương đương 0,74% xuống 35.490,69 điểm. Nasdaq tăng 0,12 điểm tương đương 0,001% lên 15.235,84 điểm. Nasdaq Composite giảm 23,11 điểm tương đương 0,51% xuống 4.551,68 điểm.

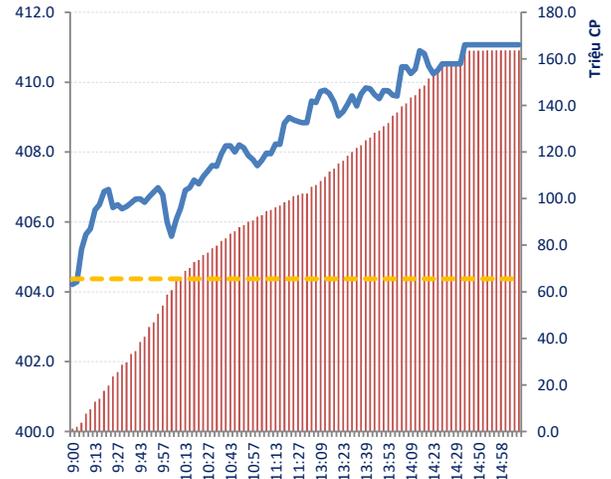


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

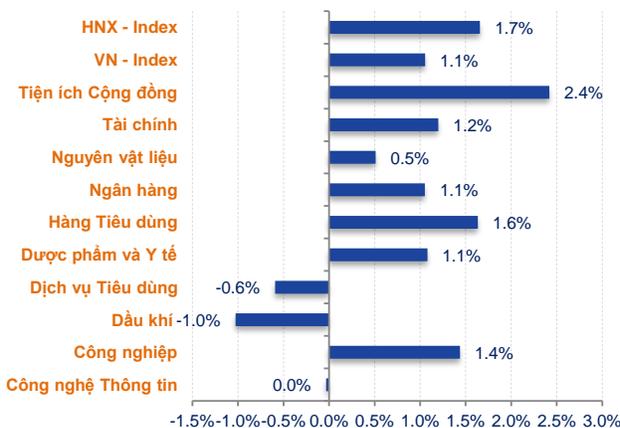
KLGD và VN-Index trong phiên



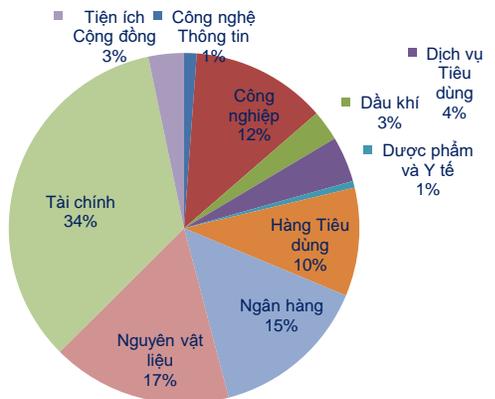
KLGD và HNX-Index trong phiên



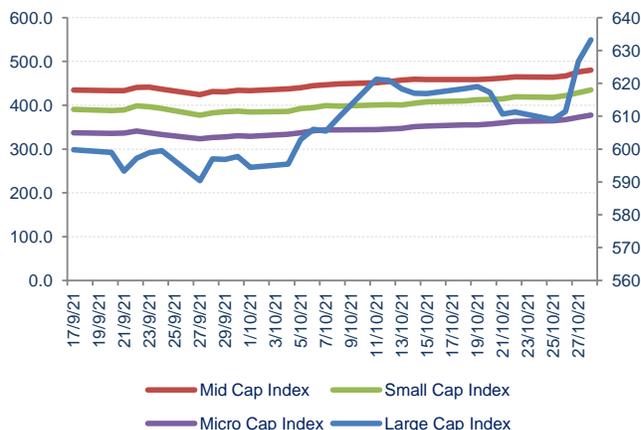
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



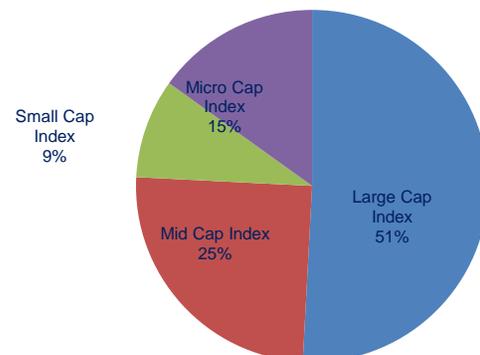
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	4,441,300	NLG	2,176,800
2	HPG	3,373,400	VRE	1,296,600
3	STB	2,497,300	PAN	1,245,400
4	CTG	2,426,700	KBC	844,100
5	VCB	964,100	TCH	608,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VIG	245,000	HUT	549,200
2	TXM	101,200	TNG	317,959
3	ART	100,000	PVS	133,200
4	DST	74,000	PDB	89,300
5	NDN	73,280	MAC	57,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
POW	12.40	12.75	↑ 2.82%	28,317,600
HQC	5.19	5.00	↓ -3.66%	23,519,800
HPG	57.90	58.00	↑ 0.17%	21,962,800
HAG	5.04	5.16	↑ 2.38%	20,860,000
VND	53.50	56.30	↑ 5.23%	17,276,700

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
APS	34.20	34.70	↑ 1.46%	10,793,430
PVS	30.50	30.10	↓ -1.31%	10,598,920
HUT	11.50	12.60	↑ 9.57%	8,901,235
SHS	37.70	38.50	↑ 2.12%	8,686,829
IDC	68.80	74.50	↑ 8.28%	7,312,358

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PAN	30.00	32.10	2.10	↑ 7.00%
KHP	9.00	9.63	0.63	↑ 7.00%
SGR	28.60	30.60	2.00	↑ 6.99%
NHH	38.75	41.45	2.70	↑ 6.97%
NBB	39.55	42.30	2.75	↑ 6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MBG	13.00	14.30	1.30	↑ 10.00%
SDU	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
DIH	52.30	57.50	5.20	↑ 9.94%
V12	13.20	14.50	1.30	↑ 9.85%
SCI	38.60	42.40	3.80	↑ 9.84%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VRC	20.10	18.70	-1.40	↓ -6.97%
C32	38.10	35.90	-2.20	↓ -5.77%
TGG	25.50	24.15	-1.35	↓ -5.29%
DTT	14.95	14.20	-0.75	↓ -5.02%
HPX	34.60	33.10	-1.50	↓ -4.34%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	42.00	37.80	-4.20	↓ -10.00%
VLA	25.30	22.80	-2.50	↓ -9.88%
TXM	8.10	7.30	-0.80	↓ -9.88%
VXB	18.30	16.50	-1.80	↓ -9.84%
VE8	13.30	12.00	-1.30	↓ -9.77%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	129.13	13.6%	4,688	12.1	1.5
DCM	72.11	11.6%	1,431	22.2	2.5
PAN	42.02	3.6%	1,049	28.6	1.0
PVT	34.80	11.9%	2,313	11.2	1.3
LPB	33.70	17.7%	2,240	9.4	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-363.19	39.5%	5,614	10.3	3.5
ACB	-219.37	24.9%	3,599	8.7	2.0
GAS	-150.29	16.9%	4,384	27.8	4.6
TCB	-145.01	21.3%	4,965	10.4	2.0
VHM	-143.68	36.9%	7,773	10.4	2.7

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	9.10	39.5%	5,614	10.3	3.5
DXG	3.47	8.7%	1,487	15.8	0.9
FRT	2.58	5.3%	843	60.6	3.1
OCB	2.52	23.9%	3,333	8.1	1.5
DPM	1.42	18.4%	4,029	11.5	2.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-3.50	16.5%	2,054	19.7	2.3
HCM	-3.15	19.2%	2,836	13.5	2.4
VHM	-2.50	36.9%	7,773	10.4	2.7
VNM	-2.27	31.9%	5,109	17.7	5.5
VCI	-2.17	24.5%	3,456	18.3	4.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	219.37	24.9%	3,599	8.7	2.0
HPG	167.77	39.5%	5,614	10.3	3.5
TCB	145.01	21.3%	4,965	10.4	2.0
VHM	82.23	36.9%	7,773	10.4	2.7
MBB	78.79	20.3%	2,943	9.6	1.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	-72.83	11.6%	1,431	22.2	2.5
DPM	-39.85	18.4%	4,029	11.5	2.0
GMD	-34.68	6.5%	1,461	35.0	2.2
LPB	-31.99	17.7%	2,240	9.4	1.6
PVT	-28.13	11.9%	2,313	11.2	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	186.31	39.5%	5,614	10.3	3.5
GAS	110.01	16.9%	4,384	27.8	4.6
MSN	105.83	7.6%	1,784	82.3	5.5
DXG	102.55	8.7%	1,487	15.8	0.9
VCB	93.97	20.6%	5,533	17.4	3.4

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	-125.70	13.6%	4,688	12.1	1.5
KBC	-40.87	6.0%	1,572	30.5	1.8
VRE	-40.17	9.2%	1,195	26.1	2.4
PAN	-38.97	3.6%	1,049	28.6	1.0
VNM	-35.53	31.9%	5,109	17.7	5.5



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	28,317,600	7.5%	1,006	12.3	0.9
HQC	23,519,800	3250.0%	9	570.7	0.6
HPG	21,962,800	39.5%	5,614	10.3	3.5
HAG	20,860,000	-15.2%	(1,448)	-	0.9
VND	17,276,700	34.3%	5,191	10.3	2.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
APS	10,793,430	22.8%	1,885	18.1	3.0
PVS	10,598,920	4.4%	1,187	25.7	1.1
HUT	8,901,235	-10.1%	(1,121)	-	1.1
SHS	8,686,829	25.5%	3,190	11.8	1.8
IDC	7,312,358	11.3%	1,684	40.9	4.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PAN	↑ 7.0%	3.6%	1,049	28.6	1.0
KHP	↑ 7.0%	59.3%	6,342	1.4	0.7
SGR	↑ 7.0%	-0.5%	(66)	-	2.3
NHH	↑ 7.0%	20.0%	3,274	11.8	2.3
NBB	↑ 7.0%	28.3%	6,471	6.1	1.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MBG	↑ 10.0%	2.4%	247	52.6	1.2
SDU	↑ 10.0%	0.0%	8	1,097.8	0.5
DIH	↑ 9.9%	1.1%	161	324.1	3.5
V12	↑ 9.8%	12.2%	1,826	7.2	0.9
SCI	↑ 9.8%	46.4%	9,565	4.0	2.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	4,441,300	8.7%	1,487	15.8	0.9
HPG	3,373,400	39.5%	5,614	10.3	3.5
STB	2,497,300	11.8%	1,900	13.9	1.6
CTG	2,426,700	18.5%	3,414	9.1	1.2
VCB	964,100	20.6%	5,533	17.4	3.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VIG	245,000	-2.5%	(137)	-	1.6
TXM	101,200	-1.3%	(220)	-	0.5
ART	100,000	0.3%	32	310.0	0.8
DST	74,000	2.0%	195	29.2	0.6
NDN	73,280	28.9%	3,986	5.8	1.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	361,495	4.5%	1,600	59.4	2.3
VCB	356,423	20.6%	5,533	17.4	3.4
VHM	352,704	36.9%	7,773	10.4	2.7
HPG	258,982	39.5%	5,614	10.3	3.5
GAS	232,928	16.9%	4,384	27.8	4.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	81,165	33.9%	6,555	35.4	14.2
KSF	23,670	8.8%	780	101.2	4.0
IDC	20,640	11.3%	1,684	40.9	4.4
VCS	20,112	42.1%	10,726	11.7	4.7
BAB	16,192	8.6%	979	22.0	1.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DAH	2.69	-7.4%	(665)	-	1.0
SCR	2.54	5.8%	770	18.8	1.1
KMR	2.40	1.6%	160	55.5	0.8
IJC	2.20	23.5%	3,643	9.2	2.2
HAI	2.14	0.6%	68	71.0	0.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
WSS	2.37	8.7%	885	12.9	1.1
APS	2.25	22.8%	1,885	18.1	3.0
HBS	2.25	1.2%	140	89.0	1.1
PSI	2.20	2.9%	300	47.6	1.4
VIG	2.06	-2.5%	(137)	-	1.6



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
